

C.TY CP SADICO CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 104 / SADICO.2018
V/v công bố thông tin
BCTC hợp nhất Quý II / 2018

Cần Thơ, ngày 23 tháng 07 năm 2018

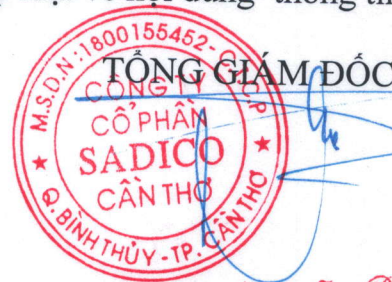
Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà nội

1. Tên Công ty : **Công Ty Cổ Phần SADICO Cần Thơ**
2. Mã chứng khoán : **SDG.**
3. Địa chỉ trụ sở chính : 366E Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, Thành Phố Cần Thơ.
4. Điện thoại : 0292 3884354 Fax : 0292 3821141
5. Người thực hiện công bố thông tin : Ông Nguyễn Phú Thọ.
6. Nội dung của thông tin công bố :
6.1. Báo cáo tài chính hợp nhất quý II/2018
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ nội dung thông tin công bố
www.sadico.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Website Công Ty
- Lưu: HC, PTCKTTK



Nguyễn Phú Thọ

CTY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ : 366E, CMT8, P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình thủy, TP. Cần Thơ

Mã số thuế : 1800155452

Tel : 0292.3884354 - Fax : 0292.3821141

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2018

Nơi nhận :

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ : 366E CMT8, P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ

Điện thoại : 0292.3884354, Fax : 0292.3821141

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Mẫu số : Q-01d

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT


Đơn vị tính : đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		373.041.322.331	80.802.284.831
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.686.565.368	1.006.013.113
1. Tiền	111	V.1	6.686.565.368	1.006.013.113
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		174.000.000.000	
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	174.000.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76.369.194.441	35.736.074.480
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	61.129.107.394	36.860.435.401
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	19.424.483.151	31.387.600
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.614.706.061	427.551.479
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(6.799.102.165)	(1.583.300.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		115.179.354.385	43.057.159.033
1. Hàng tồn kho	141	V.7	115.179.354.385	43.057.159.033
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		806.208.137	1.003.038.205
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	806.208.137	242.666.364
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16		760.371.841
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		397.979.746.216	143.972.314.690
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.417.800.000	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3	5.200.000.000	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	217.800.000	
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		351.207.814.178	96.778.323.247
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	351.207.814.178	96.778.323.247
- Nguyên giá	222		600.576.056.825	189.476.075.009
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(249.368.242.647)	(92.697.751.762)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			

3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228		244.856.000	99.856.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(244.856.000)	(99.856.000)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		36.490.388.158	46.525.335.162
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	12.171.960.000	42.291.820.004
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	23.318.428.158	4.233.515.158
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	1.000.000.000	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.863.743.880	668.656.281
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	376.211.112	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	55.156.789	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.12	646.959.518	668.656.281
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269	V.13	3.785.416.461	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		771.021.068.547	224.774.599.521
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		460.536.262.483	116.418.925.634
I. Nợ ngắn hạn	310		442.057.882.394	89.522.545.545
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	19.399.992.424	9.006.667.988
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	164.565.288.573	1.962.400.000
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16	8.167.190.772	671.870.998
4. Phải trả người lao động	314	V.17	7.473.791.965	10.026.172.921
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	8.041.910.919	223.084.959
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	22.272.728	52.272.728
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	138.468.390	25.352.841
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	221.272.296.426	65.545.389.523
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	11.652.600.000	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	1.324.070.197	2.009.333.587
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		18.478.380.089	26.896.380.089
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	18.478.380.089	26.896.380.089
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			

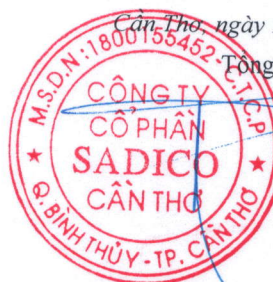
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		310.484.806.064	108.355.673.887
I. Vốn chủ sở hữu	410		310.484.806.064	108.355.673.887
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	67.999.970.000	64.999.970.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		67.999.970.000	64.999.970.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	(50.000.000)	(50.000.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24	25.835.920.722	25.835.920.722
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	94.631.898.514	17.569.783.165
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		67.210.778.682	17.569.783.165
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.421.119.832	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		122.067.016.828	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		771.021.068.547	224.774.599.521

Kế toán trưởng


Dương Thị Quỳnh Giao

Cần Thơ, ngày 19 tháng 07 năm 2018

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Phú Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ : 366E CMT8, P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Điện thoại : 0292.3884354, Fax : 0292.3821141

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Mẫu số : Q-02d

DN - KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[01]	VI.1	164.817.696.083	64.861.952.019	227.056.908.029	126.186.836.973
2. Các khoản giảm trừ	[02]					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	[10]		164.817.696.083	64.861.952.019	227.056.908.029	126.186.836.973
4. Giá vốn hàng bán	[11]	VI.2	146.683.839.439	55.575.780.714	201.957.317.183	106.275.119.498
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	[20]		18.133.856.644	9.286.171.305	25.099.590.846	19.911.717.475
6. Doanh thu hoạt động TC	[21]	VI.3	2.637.301.261	3.528.636.000	10.311.393.443	8.815.681.260
7. Chi phí tài chính	[22]	VI.4	4.261.000.497	2.214.248.943	5.875.680.633	4.271.391.642
- Trong đó : Chi phí lãi vay	[23]		2.325.393.461	2.199.662.506	3.935.767.409	4.254.866.277
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	[24]		11.237.966.809		11.237.966.809	
9. Chi phí bán hàng	[25]	VI.5	3.109.987.411	715.925.927	3.782.658.184	1.337.684.281
10. Chi phí quản lý DN	[26]	VI.6	3.365.911.717	(1.351.113.436)	7.482.446.526	1.934.376.325
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	[30]		21.272.225.089	11.235.745.871	29.508.165.755	21.183.946.487
12. Thu nhập khác	[31]	VI.7	31.666.667	674.049.119	1.003.510.693	1.217.685.483
13. Chi phí khác	[32]	VI.8	954.294	23.671.561	954.294	23.671.561
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	[40]		30.712.373	650.377.558	1.002.556.399	1.194.013.922
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	[50]		21.302.937.462	11.886.123.429	30.510.722.154	22.377.960.409
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	[51]		1.796.593.283	1.684.810.998	2.153.469.781	2.759.650.654
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	[52]	VI.11	(55.156.789)		(55.156.789)	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	[60]		19.561.500.968	10.201.312.431	28.412.409.162	19.618.309.755
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	[61]		18.570.211.638	10.201.312.431	27.421.119.832	19.618.609.755
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	[62]		991.289.330		991.289.330	
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	[70]		2.731	1.569	4.033	3.018
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	[71]		2.731	1.569	4.033	3.018

Kế toán trưởng

Dương Thị Quỳnh Giao

Cần Thơ ngày 19 tháng 07 năm 2018

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Phú Thọ

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT - HỢP NHẤT

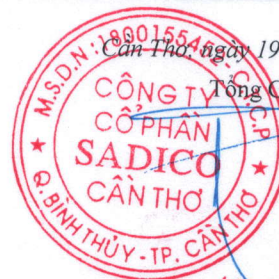
Đơn vị tính : đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		243.528.096.844	138.925.232.280
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(193.842.933.534)	(90.802.183.386)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(23.105.246.192)	(25.367.819.101)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(3.956.543.267)	(4.273.818.653)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.000.000.000)	(1.258.151.187)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.093.608.924	1.921.373.943
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(31.949.972.110)	(18.956.550.361)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.232.989.335)	188.083.535
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(967.209.091)	(3.962.132.924)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		1.790.000.000	1.413.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(48.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		38.000.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.271.500.000	8.811.817.803
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		94.290.909	6.263.321.243
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	234.373.810.316	138.207.399.485
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(213.564.903.413)	(146.302.709.016)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.989.984.000)	(8.710.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.818.922.903	(8.104.019.531)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		5.680.224.477	(1.652.614.753)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.006.013.113	4.647.021.850
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		327.778	(2.638)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		6.686.565.368	2.994.404.459

Kế toán trưởng



Dương Thị Quỳnh Giao



Cần Thơ, ngày 19 tháng 07 năm 2018

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Phú Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 2 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất bao bì, vải dệt từ Plastic; Sản xuất bao bì từ giấy; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Ủy thác xuất nhập khẩu; Đầu tư kinh doanh bất động sản; In ấn; Kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành in, sau in và máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kinh doanh, xuất nhập khẩu bao bì, nhựa, giấy, phụ gia và hóa chất ngành nhựa các loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô có trụ sở chính tại Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất xi măng, vôi và thạch cao. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 48,17%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 248 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 244 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	07 - 08

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán) của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	213.995.916	3.309.386
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.472.569.452	1.002.703.727
Cộng	<u>6.686.565.368</u>	<u>1.006.013.113</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính :**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	174.000.000.000	174.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	174.000.000.000	174.000.000.000	-	-
Trái phiếu	-	-	-	-
Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Dài hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
Trái phiếu	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Cộng	175.000.000.000	175.000.000.000	-	-

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12.171.960.000			42.291.820.004		
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô				42.291.820.004		
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	12.171.960.000					
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23.318.428.158			4.233.515.158		
Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô	5.790.000.000					
Công ty Cổ phần Kho vận Xi măng Tây Đô	1.800.000.000					
Công ty Cổ phần Truyền thông Xi măng Tây Đô	190.000.000					
Công ty Cổ phần da Tây Đô	69.500.000					

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên	2.682.621.200	2.682.621.200
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang	1.550.893.958	1.550.893.958
Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco	6.799.800.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Phát	498.000.000	
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	3.937.613.000	
Cộng	35.490.388.158	46.525.335.162

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	23.191.907.425	8.601.322.620
Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô	17.583.227.425	-
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	-	5.422.595.640
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên - Kiên Giang	3.381.840.000	3.178.726.980
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên	2.226.840.000	-
Phải thu các khách hàng khác	37.937.199.969	28.259.112.781
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	5.032.200.000	6.525.200.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tân Đức	6.723.671.000	6.708.422.000
Chi nhánh công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang - Nhà máy Xi măng An Giang	4.107.957.777	2.810.500.000
Công ty TNHH Công nghiệp Bao C.P (Việt Nam)	8.888.288.750	-
Các khách hàng khác	13.185.082.442	12.214.990.781
Cộng	61.129.107.394	36.860.435.401

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô	5.200.000.000	-
Cộng	5.200.000.000	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư TM và Vận tải Thiên Phúc	6.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC	4.800.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Vượng Phúc	3.585.660.000	-
Công ty TNHH TM DV Vận chuyển Vạn Thịnh Phát	2.700.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.738.823.151	31.387.600
Cộng	19.424.483.151	31.387.600

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ	92.554.780	-	24.667.706	-
Tạm ứng	1.208.140.017	-	168.508.744	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.314.011.264	(159.900.000)	234.375.029	(159.900.000)
Cộng	2.614.706.061		427.551.479	
		(159.900.000)		(159.900.000)

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ	217.800.000	-	-	-
Cộng	217.800.000		-	-

6. Nợ xấu :

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long - Phải thu tiền bán hàng	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	2.367.200.000	1.657.040.000	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	6.525.200.000	5.277.800.000
	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.665.000.000	1.332.500.000	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Vận tải Phan Thành - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	176.000.000	-	Trên 3 năm	176.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh - Phải thu tiền bán hàng	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	200.000.000	140.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tân Đức - Phải thu tiền bán hàng	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.238.422.000	866.895.400	-	-	-
Công ty TNHH MTV Hoàng Minh - Phải thu tiền bán hàng Bà Nguyễn Hoàng Yến	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.998.670.798	-	-	-	-
Phải thu khác	Trên 3 năm	159.900.000	-	Trên 3 năm	159.900.000	-
Các tổ chức và cá nhân khác	Trên 3 năm	990.344.767	-	-	-	-
Cộng		10.795.537.565	3.996.435.400		6.861.100.000	5.277.800.000

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.583.300.000	335.900.000
Trích lập dự phòng bổ sung	1.226.786.600	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	3.989.015.565	-
Số cuối kỳ	6.799.102.165	335.900.000

7. Hàng tồn kho :

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	2.751.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	67.755.460.711	-	10.286.144.886	-
Công cụ, dụng cụ	9.903.498.723	-	9.588.587.634	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.303.918.267	-	3.316.355.338	-
Thành phẩm	31.213.725.684	-	19.866.071.175	-
Cộng	115.179.354.385	-	43.057.159.033	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	208.325.756	-
Chi phí thuê nhà	26.400.000	-
Chi phí thuê đất năm 2018	450.149.199	-
Chi phí bảo hiểm	121.333.182	242.666.364
Cộng	<u>806.208.137</u>	<u>242.666.364</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phần mềm kế toán	376.211.112	-
Cộng	<u>376.211.112</u>	<u>-</u>

9. Tài sản cố định hữu hình : đính kèm Phụ lục 01

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lãi chưa thực hiện trong nội bộ Tập đoàn. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	-	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	55.156.789	-
Số cuối năm/kỳ	55.156.789	-

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	646.959.518	668.656.281
Trừ dự phòng	-	-
Giá trị thuần	646.959.518	668.656.281

13. Lợi thế thương mại :

	Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô
Nguyên giá	-
Số đầu năm	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	3.817.226.683
Số cuối kỳ	<u>3.817.226.683</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Số đã phân bổ

Số đầu năm

Phân bổ trong kỳ

Số cuối kỳ

31.810.222

31.810.222**Giá trị còn lại**

Số đầu năm

Số cuối kỳ**3.785.416.461****14. Phải trả người bán :**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	4.747.684.774	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Xi măng Tây Đô	2.405.966.200	-
Công ty Cổ phần Kho vận Xi măng Tây Đô	2.321.352.074	-
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	20.366.500	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	14.652.307.650	9.006.667.988
Công ty Cổ phần Bao bì Nhon Trạch	1.061.837.700	-
Công ty Cổ phần Á Đông ADG	564.800.000	1.369.900.000
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	2.102.897.500	1.161.160.000
Công ty Cổ phần Nhựa OPEC	8.484.725.000	5.518.100.000
Các nhà cung cấp khác	2.438.047.450	957.507.988
Cộng	19.399.992.424	9.006.667.988

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn :

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	16.971.342.949	-
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	479.513.015	-
Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco	4.228.138.488	-
Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang	12.263.691.446	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	147.593.945.624	1.962.400.000
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Phúc Vinh	45.104.081.715	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Trương Hoàng Phúc	17.529.121.680	-
Các khách hàng khác	84.960.742.229	1.962.400.000
Cộng	164.565.288.573	1.962.400.000

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước : đính kèm Phụ lục 02**17. Phải trả người lao động :**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương, thưởng còn phải trả	7.473.791.965	5.826.172.921
Quỹ dự phòng tiền lương	-	4.200.000.000
Cộng	7.473.791.965	10.026.172.921

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

18. Chi phí phải trả ngắn hạn :

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	418.920.000	-
Công ty Cổ phần Kho vận Xi măng Tây Đô- Hàng hóa về nhập kho nhưng chưa có hóa đơn	418.920.000	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	7.622.990.919	223.084.959
Chi phí du lịch khách hàng	6.700.000.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	101.490.919	122.266.777
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	821.500.000	100.818.182
Cộng	8.041.910.919	223.084.959

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn :

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	22.272.728	52.272.728
Cộng	22.272.728	52.272.728

20. Phải trả ngắn hạn khác :

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	93.505.464	-
Bảo hiểm xã hội	8.525.159	1.947.386
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	31.200.000	21.190.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.237.767	2.215.455
Cộng	138.468.390	25.352.841

21. Vay và nợ thuê tài chính :**21a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	208.936.296.426	53.209.389.523
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ</i>	182.298.343.858	24.355.941.150
<i>Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Cần Thơ</i>	7.951.663.818	2.748.712.373
<i>Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)</i>	18.686.288.750	26.104.736.000
Vay dài hạn đến hạn trả	12.336.000.000	12.336.000.000
Cộng	221.272.296.426	65.545.389.523

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn trong kỳ đính kèm Phụ lục 03

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

21b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Cần Thơ	11.053.380.089	14.971.380.089
Ngân hàng TNHH Indovina – CN Cần Thơ	7.425.000.000	11.925.000.000
Cộng	18.478.380.089	26.896.380.089

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn :

	Số đầu năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Tăng do trích lập trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ	-	9.652.600.000	2.000.000.000	11.652.600.000
Cộng	-	9.652.600.000	2.000.000.000	11.652.600.000

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ phúc lợi	1.542.429.317	-	(289.500.000)	1,252.929.317
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	466.904.270	341.741.000	(737.504.390)	71.140.880
Cộng	2.009.333.587	341.741.000	(1.027.004.390)	1.324.070.197

24. Vốn chủ sở hữu : đính kèm Phụ lục 04**25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****25a. Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 2.050,02 USD (số đầu năm là 488,57 USD).

25b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Nguyên nhân xóa sổ
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
Cty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Trần Quang Thái	-	80.640.710	-	80.640.710	Không còn đóng tại địa chỉ đăng ký, không liên lạc được
Các đối tượng khác	-	840.899.991	-	840.899.991	Không có khả năng thu hồi
Cộng	-	921.540.701	-	921.540.701	

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***1a. Tổng doanh thu*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	4.928.000	34.905.500
Doanh thu bán thành phẩm	164.233.883.745	63.596.703.882
Doanh thu khác	578.884.338	1.230.342.637
Cộng	<u>164.817.696.083</u>	<u>64.861.952.019</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên</i>		
Bán hàng hóa, thành phẩm	7.596.893.400	8.641.479.600
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên - Kiên Giang</i>		
Bán hàng hóa, thành phẩm	9.135.960.000	8.470.133.100
<i>Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	9.208.065.500	-
<i>Công Ty Cổ Phần Vận Tải Xi Măng Tây Đô</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	6.708.356.490	-
<i>Công Ty Cổ Phần Bê Tông Tây Đô</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	3.827.258.400	-

2. Giá vốn hàng bán :

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.040.000	43.638.751
Giá vốn của thành phẩm đã bán	146.427.610.167	55.517.624.237
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	249.189.272	14.517.726
Cộng	<u>146.683.839.439</u>	<u>55.575.780.714</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính :

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi	1.030.795.013	2.772.830
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.599.200.000	3.525.740.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	6.978.470	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	123.170
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	327.778	-
Cộng	<u>2.637.301.261</u>	<u>3.528.636.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

4. Chi phí tài chính :

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	2.325.393.461	2.199.662.506
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	2.638
Chiết khấu thanh toán	1.900.715.000	-
Chi phí tài chính khác	34.892.036	14.583.799
Cộng	<u>4.261.000.497</u>	<u>2.214.248.943</u>

5. Chi phí bán hàng :

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	304.976.007	-
Chi phí vật liệu, bao bì	1.100.000	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.454.545	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.357.452	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	715.006.978	707.392.745
Chi phí vận chuyển vỏ bao	679.545.478	707.392.745
Các chi phí khác	2.068.092.429	8.533.182
Cộng	<u>3.109.987.411</u>	<u>715.925.927</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp :

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.828.153.967	3.466.289.956
Chi phí vật liệu quản lý	164.401.266	7.474.358
Chi phí đồ dùng văn phòng	109.811.565	26.881.907
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.823.649	39.732.270
Thuế, phí và lệ phí	926.368.477	428.901.488
Hoàn nhập dự phòng tiền lương	(4.200.000.000)	(6.000.000.000)
Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	874.526.600	-
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	31.810.222	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	235.232.159	191.029.757
Các chi phí khác	1.315.783.812	488.576.828
Cộng	<u>3.365.911.717</u>	<u>(1.351.113.436)</u>

7. Thu nhập khác :

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	10.000.000	674.049.119
Thu nhập khác	21.666.667	-
Cộng	<u>31.666.667</u>	<u>674.049.119</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

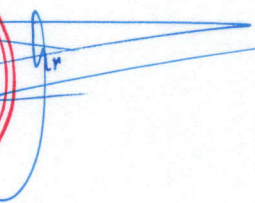
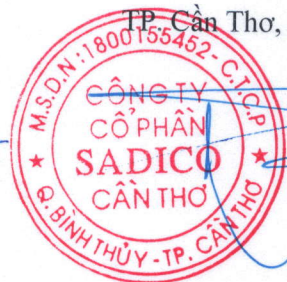
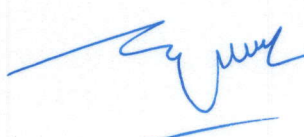
8. Chi phí khác :

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí khác	954.294	23.671.561
Cộng	954.294	23.671.561

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố :

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	127.071.457.522	43.596.874.360
Chi phí nhân công	14.029.628.949	13.653.513.914
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.338.680.256	3.044.864.677
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.959.800.113	4.421.471.328
Chi phí khác	224.981.604	(5.344.816.026)
Cộng	160.624.548.444	59.371.908.253

TP. Cần Thơ, ngày 19 tháng 07 năm 2018



Dương Thị Quỳnh Giao
Kế toán trưởng

Nguyễn Phú Thọ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2018

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	29.048.062.817	157.167.309.762	3.097.242.430	163.460.000	-	189.476.075.009
Tăng do hợp nhất kinh doanh	289.615.336.962	115.912.659.213	10.285.622.165	2.937.571.117	879.753.819	419.630.943.276
Mua trong kỳ	-	237.000.000	-	-	-	237.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	730.209.091	-	-	730.209.091
Thanh lý, nhượng bán	-	(9.403.220.551)	-	(39.100.000)	(55.850.000)	(9.498.170.551)
Số cuối kỳ	318.663.399.779	263.913.748.424	14.113.073.686	3.061.931.117	823.903.819	600.576.056.825
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	12.766.763.802	71.392.893.750	4.848.783.548	1.274.451.132	823.903.819	91.106.796.051
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	22.008.055.225	67.994.094.408	2.566.252.219	129.349.910	-	92.697.751.762
Tăng do hợp nhất kinh doanh	80.100.077.411	67.700.721.665	7.413.693.650	2.100.809.407	879.753.819	158.195.055.952
Khấu hao trong kỳ	1.363.757.737	5.560.358.139	198.701.349	42.632.192	-	7.165.449.417
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.595.064.484)	-	(39.100.000)	(55.850.000)	(8.690.014.484)
Số cuối kỳ	103.471.890.373	132.660.109.728	10.178.647.218	2.233.691.509	823.903.819	249.368.242.647
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	7.040.007.592	89.173.215.354	530.990.211	34.110.090	-	96.778.323.247
Số cuối kỳ	215.191.509.406	131.253.638.696	3.934.426.468	828.239.608.800	800.153.452.000	351.207.814.178



Dương Thị Quỳnh Giao
 Kế toán trưởng

Nguyễn Phú Thọ
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý 2 năm 2018

Phụ lục 02: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	609.565.851	-	4.638.177.398	(4.841.948.377)	1.887.597.267	2.293.392.139	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	101.836.017	(101.836.017)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	38.233.818	(38.233.818)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	760.371.841	2.153.469.781	(1.000.000.000)	4.731.818.097	5.124.916.037	-
Thuế thu nhập cá nhân	62.305.147	-	1.251.190.912	(1.250.974.917)	261.709.669	324.230.811	-
Tiền thuế đất	-	-	855.632.408	(806.923.103)	375.000.000	423.709.305	-
Thuế tài nguyên	-	-	942.480	(1.052.100)	1.052.100	942.480	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.954.294	(3.954.294)	-	-	-
Cộng	671.870.998	760.371.841	9.043.437.108	(8.044.922.626)	7.257.177.133	8.167.190.772	-

Đơn vị tính: VND



(Handwritten signature)

Dương Thị Quỳnh Giao
 Kế toán trưởng

Nguyễn Phú Thọ
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

Phụ lục 03: Bảng chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	53.209.389.523	234.373.810.316	126.500.000.000	(205.146.903.413)	-	208.936.296.426
Vay dài hạn đến hạn trả	12.336.000.000	-	-	(8.418.000.000)	8.418.000.000	12.336.000.000
Cộng	65.545.389.523	234.373.810.316	126.500.000.000	(213.564.903.413)	8.418.000.000	221.272.296.426

Đơn vị tính: VND



TP. Cần Thơ, ngày 19 tháng 07 năm 2018

Dương Thị Quỳnh Giao
Kế toán trưởng

Nguyễn Phú Thọ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

Phụ lục 04: Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	64.999.970.000	(50.000.000)	24.021.538.182	-	3.252.211.844	92.223.720.026
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	19.618.309.755	19.618.309.755
Số dư cuối kỳ trước	64.999.970.000	(50.000.000)	24.021.538.182	-	22.870.521.599	111.842.029.781
Số dư đầu năm nay	64.999.970.000	(50.000.000)	25.835.920.722	-	17.569.783.165	108.355.673.887
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	991.289.330	27.421.119.832	28.412.409.162
Tăng vốn trong kỳ này	3.000.000.000	-	-	-	(3.000.000.000)	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	121.075.727.498	-	121.075.727.498
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(12.999.994.000)	(12.999.994.000)
Điều chỉnh lãi trong công ty liên kết	-	-	-	-	-	-
theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
lũy kế đến 31/5/2018	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	67.999.970.000	(50.000.000)	25.835.920.722	122.067.016.828	94.631.898.514	310.484.806.064

Đơn vị tính: VND



(Handwritten signature)

Dương Thị Quỳnh Giao
Kế toán trưởng

Nguyễn Phú Thọ
Tổng Giám đốc

